

CÔNG TY CP SỮA VIỆT NAM
TRUNG TÂM STNL CÙ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 560 /CV-TTST.KSCL/20
V/v Giá thu mua sữa năm 2021 và các
chính sách hỗ trợ Hộ chăn nuôi bò sữa

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 12 năm 2020

TT. KHUYẾN NÔNG TP.HCM

ĐẾN Số: 1310
Ngày: 31/12/20
Chuyển:.....

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTN:

Số: 6554

Kính gửi: Các hộ chăn nuôi bò sữa

ĐẾNGiờ..... Ngày 28 tháng 12

Chuyển: A. K. D. P. - K. D. P. năm 2020

7c Anh Trung,
KCN, TKN,
TTV, TTG theo
số.

Chi-nhánh Công ty Cổ phần sữa Việt Nam ("Vinamilk") - Trung tâm Sữa tươi nguyên liệu Cù Chi ("Trung tâm") xin gửi tới các đơn vị/hộ chăn nuôi đang bán sữa cho Vinamilk lời chào trân trọng.

Căn cứ Chính sách giá thu mua sữa tươi nguyên liệu năm 2021 đã được Tổng giám đốc Công ty Cổ phần sữa Việt Nam phê duyệt ngày 10/12/2020.

Trung tâm Sữa tươi nguyên liệu Cù Chi xin thông báo đến các hộ chăn nuôi bò sữa các thông tin như sau:

29/12/20

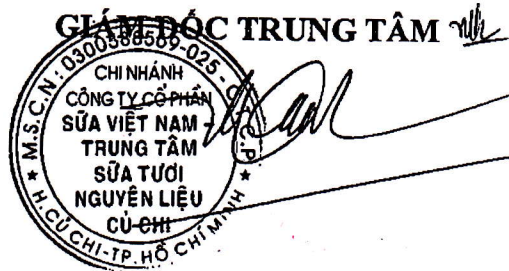
1. Giá thu mua sữa tươi nguyên liệu của Vinamilk năm 2021 (Chi tiết nêu tại Phụ lục 1).
2. Chính sách hỗ trợ hộ chăn nuôi "Thẻ khách hàng thân thiết Vinamilk" năm 2021 (Chi tiết nêu tại Phụ lục 2).
3. Chương trình "Khuyến khích Hộ chăn nuôi Bò sữa tiên tiến" năm 2021 (Chi tiết nêu tại Phụ lục 3).

Trung tâm Sữa tươi nguyên liệu Cù Chi trân trọng thông báo và rất mong tiếp tục nhận được sự hợp tác tốt đẹp của các hộ chăn nuôi bò sữa.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Đơn vị/Hộ chăn nuôi bò sữa;
- Trạm trung chuyển STNL;
- Sở NNPTNT/Hội nông dân các tỉnh Tiền Giang, Long An, TPHCM, Tây Ninh, Bình Dương (để báo cáo)
- Lưu HCNS.



Hoàng Nghĩa Tùng



PHỤ LỤC 1

GIÁ THU MUA SỮA TƯƠI NGUYÊN LIỆU NĂM 2021

(Đính kèm theo CV: 330/CV-TTST.KSCL/20)

Sữa tươi nguyên liệu đạt tiêu chuẩn thu mua phải đạt Tiêu chuẩn thu mua của VINAMILK và Quy chuẩn Việt Nam QCVN 01:186/2017. Giá thu mua chi tiết như sau:

STT	Các chỉ tiêu					Bảng giá (đ/kg)
	Dư lượng kháng sinh hoặc lên men lactic	Resazurin (mức)	Soma (tb/ml)	Béo (%)	Khô không béo - SNF (%)	
1		≥ 3	Soma ≤ 200,000	Béo ≥ 4.0	≥ 8.8	15,500
					8.8 > SNF ≥ 8.6	14,000
					8.6 > SNF ≥ 8.5	13,500
					8.5 > SNF ≥ 8.4	12,500
				4.0 > Béo ≥ 3.4	8.4 > SNF ≥ 8.3	12,000
					≥ 8.8	14,000
					8.8 > SNF ≥ 8.6	14,000
					8.6 > SNF ≥ 8.5	13,500
				3.4 > Béo ≥ 3.2	8.5 > SNF ≥ 8.4	12,500
					8.4 > SNF ≥ 8.3	12,000
					SNF ≥ 8.8	13,000
					8.8 > SNF ≥ 8.6	13,000
2	Không có dư lượng kháng sinh hoặc có lên men lactic	≥ 3	550,000 ≥ Soma > 200,000	Béo ≥ 4.0	8.6 > SNF ≥ 8.5	13,500
					8.5 > SNF ≥ 8.4	12,500
					8.4 > SNF ≥ 8.3	12,000
					SNF ≥ 8.8	14,000
				4.0 > Béo ≥ 3.4	8.8 > SNF ≥ 8.6	14,000
					8.6 > SNF ≥ 8.5	13,500
					8.5 > SNF ≥ 8.4	12,500
					8.4 > SNF ≥ 8.3	12,000
				3.4 > Béo ≥ 3.2	SNF ≥ 8.8	13,000
					8.8 > SNF ≥ 8.6	13,000
					8.6 > SNF ≥ 8.5	12,500
					8.5 > SNF ≥ 8.4	11,500
3		≥ 3	700,000 ≥ Soma > 550,000	Béo ≥ 4.0	8.4 > SNF ≥ 8.3	11,500
					SNF ≥ 8.8	12,500
					8.8 > SNF ≥ 8.6	12,500
					8.6 > SNF ≥ 8.5	12,000
				4.0 > Béo ≥ 3.4	8.5 > SNF ≥ 8.4	11,500
					8.4 > SNF ≥ 8.3	11,500
					SNF ≥ 8.8	12,500
					8.8 > SNF ≥ 8.6	12,500
				3.4 > Béo ≥ 3.2	8.6 > SNF ≥ 8.5	12,000
					8.5 > SNF ≥ 8.4	11,500
					8.4 > SNF ≥ 8.3	11,500
					SNF ≥ 8.8	12,000
	8.8 > SNF ≥ 8.6	12,000				
	8.6 > SNF ≥ 8.5	11,000				
	8.5 > SNF ≥ 8.4	11,000				

588569
 HI NHANH
 TY CỔ PHẦN
 VIỆT NAM
 NG TÀI
 TƯƠI
 LIỆU
 CHỦ CHỨC
 P. HỒ C

4		≥ 3	$1,000,000 \geq \text{Soma} > 700,000$	Béo ≥ 4.0	$8.4 > \text{SNF} \geq 8.3$	11,000
					$\text{SNF} \geq 8.8$	12,000
					$8.8 > \text{SNF} \geq 8.6$	12,000
					$8.6 > \text{SNF} \geq 8.5$	12,000
					$8.5 > \text{SNF} \geq 8.4$	11,500
				$4.0 > \text{Béo} \geq 3.4$	$8.4 > \text{SNF} \geq 8.3$	11,500
					$\text{SNF} \geq 8.8$	12,000
					$8.8 > \text{SNF} \geq 8.6$	12,000
					$8.6 > \text{SNF} \geq 8.5$	12,000
					$8.5 > \text{SNF} \geq 8.4$	11,500
				$3.4 > \text{Béo} \geq 3.2$	$8.4 > \text{SNF} \geq 8.3$	11,500
					$\text{SNF} \geq 8.8$	12,000
					$8.8 > \text{SNF} \geq 8.6$	12,000
					$8.6 > \text{SNF} \geq 8.5$	11,000
					$8.5 > \text{SNF} \geq 8.4$	11,000
5		≥ 3	<p>Một (01) trong ba (03) chỉ tiêu thuộc các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • $\text{SNF} < 8.3$ • Béo < 3.2 • Soma $> 1,000,000$ 			11,000
6		< 3	-	-	-	0 đồng/ngày
7	Có dư lượng kháng sinh hoặc không lên men lactic	-	-	-	-	0 đồng/tuần

PHỤ LỤC 2

CHƯƠNG TRÌNH “THẺ KHÁCH HÀNG THÂN THIẾT VINAMILK” NĂM 2021 (Đính kèm theo CV: 510/CV-TTST.KSCL/20)

1. Đối tượng – thời gian áp dụng:

- Đối tượng áp dụng: Là Tất cả hộ chăn nuôi ký hợp đồng và giao sữa liên tục cho Vinamilk, ngoại trừ hộ chăn nuôi từ chối tham gia chương trình bằng văn bản (nếu có).
- Thời gian áp dụng: từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021.
- Thời gian mà Hộ chăn nuôi được tích lũy điểm: từ ngày các bên hoàn tất ký kết hợp đồng mua bán sữa bò tươi nguyên liệu đến hết ngày 31/12/2021.
- Thanh toán thành 01 đợt trong tháng 01/2022.

2. Điều kiện, mức chi trả:

- Để tham gia chương trình, hộ chăn nuôi phải có hợp đồng bán Sữa tươi nguyên liệu (“STNL”) cho Vinamilk và tham gia đầy đủ và đúng các chương trình mà Vinamilk triển khai, trong đó bao gồm nhưng không giới hạn chương trình cung cấp thức ăn tinh (cám).

- Hộ chăn nuôi phải giao sữa liên tục cho Vinamilk. Tính liên tục được xét bao gồm cả các trường hợp sau:

+ Ngưng giao sữa một thời gian do đàn bò cạn sữa, bò điều trị bệnh,... có kết quả kiểm tra thực tế và xác nhận của Vinamilk và Trạm trung chuyển (nếu giao sữa thông qua trạm trung chuyển).

+ Ngưng giao sữa một thời gian do chất lượng sữa không đạt, có kết quả kiểm tra thực tế và xác nhận của Vinamilk và Trạm trung chuyển (nếu giao sữa thông qua trạm trung chuyển).

- Trong thời gian tham gia chương trình, hộ chăn nuôi không vi phạm các quy định tại hợp đồng mua bán sữa bò tươi nguyên liệu mà hộ chăn nuôi đã ký với Vinamilk và/hoặc các quy định khác mà Vinamilk đã triển khai.

- Mỗi kg sữa bán cho Vinamilk trong thời gian diễn ra chương trình và thỏa điều kiện hộ chăn nuôi sẽ tích lũy được 01 điểm. Mỗi điểm tích lũy được sẽ được Vinamilk chi trả 100 đ. Điểm tích lũy được làm tròn theo nguyên tắc làm tròn số học với mức 0,5 kg. Số lẻ kg sữa nếu lớn hơn hoặc bằng 0.5 kg thì làm tròn là 1.0 kg. Nếu nhỏ hơn 0,5 kg thì làm tròn bằng 0.0 kg. Ví dụ: 15,1 kg sữa, được làm tròn là 15.0 kg; 15,6 kg làm tròn là 16.0 kg.

Giá trị chi trả = tổng số điểm tích lũy trong kỳ x 100 đồng/điểm.



PHỤ LỤC 3

HỖ TRỢ HỘ CHĂN NUÔI CÓ SẢN LƯỢNG LỚN NĂM 2021

(Đính kèm theo CV: 870 /CV-TTST.KSCL/20)

1. Đối tượng, thời gian áp dụng:

- Đối tượng áp dụng: Tất cả các hộ chăn nuôi ký hợp đồng bán sữa cho Trung tâm STNL Củ Chi duy trì hợp đồng đến ngày 31/12/2021, có sản lượng sữa bán đạt bình quân từ 300 kg/ngày trở lên, ngoại trừ hộ chăn nuôi từ chối tham gia chương trình bằng văn bản (nếu có).

- Thời gian áp dụng: từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021.

2. Điều kiện, mức chi trả:

- Trong thời gian tham gia chương trình, Hộ chăn nuôi không vi phạm các quy định tại hợp đồng mua bán sữa bò tươi nguyên liệu mà Hộ chăn nuôi đã ký với Vinamilk và/hoặc các quy định khác mà Vinamilk đã triển khai.

- Chất lượng sữa từ ngày 01/01/2021– 31/12/2021: tối thiểu 60% sản lượng sữa giao cho Vinamilk đạt được giá cao nhất.

- Mức chi trả: căn cứ vào sản lượng sữa thực tế Hộ chăn nuôi giao cho Vinamilk.

Tiêu chí	Hộ chăn nuôi			
	300 - < 500	500 - < 1.000	1.000 - < 3.000	> 3.000
Sản lượng bình quân (kg/ngày)	300 - < 500	500 - < 1.000	1.000 - < 3.000	> 3.000
Số tiền thưởng thêm (đ/kg)	100	200	300	100

- Thời gian chi trả: Cuối năm 2021, Vinamilk sẽ chi trả bằng tiền cho Hộ chăn nuôi. Đây là chi phí chi trả thêm, không bao gồm trong giá sữa tươi nguyên liệu bán cho Vinamilk.

Ghi chú: Một số thông tin chi tiết khác được sẽ được quy định trong Hợp đồng mua bán sữa bò tươi mà các bên ký kết.